

# BẢNG GIÁ ỐNG & PHỤ KIỆN PPR

## PIPE AND FITTINGS PPR PRICE LIST








**Sức mạnh siêu bền dẫn nước**

Sản xuất theo tiêu chuẩn: DIN8077- 8078 của CHLB Đức




Mã số: 1004/BG-PPR







Bảng giá có hiệu lực từ ngày 01/07/2017

Tên hàng (Product)	Kích thước (Size)	ĐVT (Unit)	Đơn giá (Price)
<b>Ống LẠNH (PN10)</b> Cold Pipe PN10 	Ø 20 x 2.3mm	Mét (metre)	22,900
	Ø 25 x 2.8mm		40,800
	Ø 32 x 2.9mm		53,100
	Ø 40 x 3.7mm		71,500
	Ø 50 x 4.6mm		104,200
	Ø 63 x 5.8mm		166,300
	Ø 75 x 6.8mm		232,000
	Ø 90 x 8.2mm		337,000
	Ø 110 x 10.0mm		539,000
	Ø 125 x 11.4mm		670,000
	Ø 140 x 12.7mm		835,000
	Ø 160 x 14.6mm		1,135,000
<b>Ống NÓNG (PN 20)</b> Hot pipe PN20 	Ø 20 x 3.4mm	Mét (metre)	28,400
	Ø 25 x 4.2mm		50,100
	Ø 32 x 5.4mm		73,200
	Ø 40 x 6.7mm		125,000
	Ø 50 x 8.3mm		176,000
	Ø 63 x 10.5mm		278,200
	Ø 75 x 12.5mm		397,000
	Ø 90 x 15.0mm		597,800
	Ø 110 x 18.3mm		826,000
	Ø 125 x 20.8mm		1,113,000
	Ø 140 x 23.3mm		1,395,000
	Ø 160 x 26.6mm		1,865,000
<b>Cút ren trong Female</b> 	Ø 20 x 1/2 "	Cái (pcs)	41,800
	Ø 25 x 1/2 "		47,300
	Ø 25 x 3/4 "		63,800
	Ø 32 x 1 "		118,000
<b>Măng sông ren trong Female Socket</b> 	Ø 20 x 1/2 "	Cái (pcs)	37,300
	Ø 25 x 1/2 "		46,100
	Ø 25 x 3/4 "		51,000
	Ø 32 x 1 "		83,100
	Ø 40 x 1-1/4 "		208,000
	Ø 50 x 1-1/2 "		278,000
	Ø 63 x 2 "		555,000
	Ø 75 x 2-1/2 "		840,000
<b>Tê ren trong Female Tee</b> 	Ø 20 x 1/2 "	Cái (pcs)	42,100
	Ø 25 x 1/2 "		45,000
	Ø 25 x 3/4 "		65,700

Tên hàng (Product)	Kích thước (Size)	ĐVT (Unit)	Đơn giá (Price)
<b>Cút 90° Elbow</b> 	Ø 20	Cái (pcs)	5,750
	Ø 25		7,600
	Ø 32		13,200
	Ø 40		21,900
	Ø 50		38,000
	Ø 63		116,500
	Ø 75		152,000
	Ø 90		236,000
	Ø 110		430,000
	<b>Tê đều Tee</b> 		Ø 20
Ø 25		10,400	
Ø 32		17,100	
Ø 40		26,800	
Ø 50		52,500	
Ø 63		131,000	
Ø 75		164,000	
Ø 90		258,000	
<b>Măng sông Socket</b> 	Ø 20	Cái (pcs)	3,050
	Ø 25		5,100
	Ø 32		7,800
	Ø 40		12,600
	Ø 50		22,800
	Ø 63		47,900
	Ø 75		76,000
	Ø 90		128,000
	Ø 110		209,000
	<b>Chếch 45° Elbow</b> 		Ø 20
Ø 25		7,450	
Ø 32		11,400	
Ø 40		21,500	
Ø 50		43,600	
Ø 63		100,100	
Ø 75		153,000	
Ø 90		184,500	
Ø 110		325,000	
<b>Ống Tránh By Pass PiPe</b> 	Ø 20	Cái (pcs)	20,500
	Ø 25		39,000
	Ø 32		68,000

Đơn giá các sản phẩm đã bao gồm thuế VAT 10%

Tên hàng Product	Kích thước Size	ĐVT (Unit)	Đơn giá Price
<b>Mãng sông ren ngoài</b> Male Socket 	φ 20 x 1/2"	Cái (pcs)	47,300
	φ 25 x 1/2 "		55,200
	φ 25 x 3/4"		66,300
	φ 32 x 1"		97,800
	φ 40 x 1-1/4"		286,000
	φ 50 x 1-1/2		358,000
	φ 63 x 2"		602,000
	φ 75 x 2-1/2"		915,000
<b>Tê ren ngoài</b> Male Tee 	φ 20 x 1/2"	Cái (pcs)	52,000
	φ 25 x 1/2 "		56,200
	φ 25 x 3/4"		69,000
<b>Cút ren ngoài Male</b> 	φ 20 x 1/2"	Cái (pcs)	58,500
	φ 25 x 1/2 "		66,300
	φ 25 x 3/4"		74,300
	φ 32 x 1"		125,000
<b>Rắc co ren ngoài</b> Male Union 	φ 20 x 1/2"	Cái (pcs)	96,500
	φ 25 x 3/4 "		150,000
	φ 32 x 1"		235,000
	φ 40 x 1-1/4"		346,000
	φ 50 x 1-1/2		615,000
<b>Rắc co ren trong</b> Female Union 	φ 20 x 1/2"	Cái (pcs)	92,500
	φ 25 x 3/4 "		143,000
	φ 32 x 1"		212,000
	φ 40 x 1-1/4"		332,000
	φ 50 x 1-1/2		575,000
<b>Van cửa Hàm ếch</b> 	φ 20	Cái (pcs)	147,000
	φ 25		201,000
	φ 32		231,000
	φ 40		356,500
	φ 50		588,500
	φ 63		730,000
<b>Van cửa đồng</b> 	φ 20	Cái (pcs)	212,000
	φ 25		242,000
	φ 32		345,000
	φ 40		545,000
	φ 50		855,000
	φ 63		1,320,000

Tên hàng (Product)	Kích thước (Size)	ĐVT (Unit)	Đơn giá (Price)
<b>Côn thu</b> Reducer 	φ 25/20	Cái (pcs)	4,750
	φ 32 /25,20		6,720
	φ 40/32,25,20		10,350
	φ 50/40,32,25,20		18,500
	φ 63/50,40,32		36,000
	φ 75/63,50,40		63,000
	φ 90/75,63,50		102,000
	φ 110/90,75,63		181,000
<b>Tê thu</b> Reducer Tee 	φ 25/20	Cái (pcs)	10,300
	φ 32 /25,20		18,200
	φ 40/32,25,20		40,200
	φ 50/40,32,25,20		71,000
	φ 63/50,40,32		124,000
	φ 75/63,50,40		170,000
	φ 90/75,63,50		265,000
<b>Rắc co nhựa</b> Union 	φ 20	Cái (pcs)	37,500
	φ 25		55,600
	φ 32		80,200
	φ 40		92,000
	φ 50		138,000
	φ 63		322,000
<b>Nút bịt</b> End cap 	φ 20	Cái (pcs)	2,900
	φ 25		4,900
	φ 32		6,480
	φ 40		9,650
	φ 50		18,500
	φ 63		31,000
<b>Van cửa nhựa</b> 	φ 20	Cái (pcs)	147,000
	φ 25		201,000
	φ 32		231,000
	φ 40		356,500
	φ 50		588,500
<b>Máy Hàn TQ</b> welding device 	20 - 63mm	Cái (pcs)	815,000
	75 - 110mm		1,190,000

Đơn giá các sản phẩm đã bao gồm thuế VAT 10%